

*Tp. Hồ Chí Minh, ngày 14 tháng 08 năm 2020*

**CÔNG BỐ THÔNG TIN TRÊN CỔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ CỦA  
ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC VÀ  
SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN TP.HCM**

**Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước  
- Sở Giao dịch Chứng khoán TP HCM**

Công ty: Công ty Cổ phần Thủy điện Miền Nam  
Mã chứng khoán: SHP  
Địa chỉ trụ sở chính: P.106 Lầu 1, tòa nhà Citilight, 45 Võ Thị Sáu, Phường Đa  
Kao, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.  
Điện thoại: 028 3820.7795  
Fax: 028 3820.7794  
Người thực hiện CBTT: Nguyễn Thành Tú Anh  
Chức vụ: Kế toán trưởng

Loại thông tin công bố  24 giờ  72 giờ  bất thường  theo yêu cầu  định kỳ:

**Nội dung thông tin công bố:** Báo cáo tài chính Bán niên đã được soát xét năm 2020.

Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty vào ngày 14/08/2020 tại đường dẫn [www.shp.vn](http://www.shp.vn).

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

Trân trọng,

*Đính kèm:*

- Công văn số 581/SHP-TCKT ngày 14/08/2020 về việc: “Giải trình biến động lợi nhuận”.
- BCTC bán niên soát xét năm 2020.

**Người được ủy quyền công bố thông tin**

*(Ký tên, ghi rõ họ tên, chức vụ, đóng dấu)*

**Kế Toán Trưởng**

Nguyễn Thành Tú Anh

**CÔNG TY CỔ PHẦN  
THỦY ĐIỆN MIỀN NAM**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc Lập - Tự Do - Hạnh phúc**

Số: **581**/SHP-TCKT  
V/v: Giải trình biến động lợi nhuận

Tp.HCM, ngày **14** tháng 08 năm 2020

**Kính gửi:** - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước  
- Sở giao dịch Chứng khoán TP.HCM

Căn cứ vào điểm b khoản 4 điều 11 Thông tư 155/2015/TT-BTC ngày 06/10/2015 của Bộ Tài Chính hướng dẫn về công bố thông tin, Công ty Cổ phần Thủy điện Miền Nam (SHP) xin được giải trình biến đổi lợi nhuận sau thuế 6 tháng đầu năm 2020 so với cùng kỳ năm trước như sau:

ĐVT: triệu đồng

Kết quả sản xuất kinh doanh 6 tháng đầu năm				
Chỉ tiêu	Năm 2020	Năm 2019	Chênh lệch tăng, giảm	Tỷ lệ tăng/giảm (%)
Doanh thu và thu nhập khác	175.830	190.336	(14.506)	(7,6%)
Tổng chi phí	175.432	184.986	(9.554)	(5,2%)
Lợi nhuận sau thuế TNDN	352	5.059	(4.707)	(93,0%)

Lợi nhuận 6 tháng đầu năm 2020 là 352 triệu đồng giảm 4,7 tỷ đồng ( tương đương giảm 93%) so với cùng kỳ năm trước vì:

- Doanh thu: Do thời tiết 6 tháng đầu năm 2020 không thuận lợi, lưu lượng nước về bình quân giảm so với cùng kỳ năm trước làm cho sản lượng phát điện giảm gần 5%. Bên cạnh đó giá bán điện bình quân 6 tháng đầu năm 2020 giảm 3% so với cùng kỳ năm trước. Do 2 yếu tố trên nên doanh thu 6 tháng đầu năm 2020 giảm 14.506 triệu đồng tương ứng 7,6% so với cùng kỳ năm trước.

- Chi phí: phần lớn chi phí của công ty là chi phí cố định nên chi phí không thay đổi nhiều so với cùng kỳ năm trước. Chi phí chủ yếu biến động ở phần chi phí lãi vay: 6 tháng đầu năm 2020 chi phí lãi vay giảm 9.752 triệu đồng.

Trân trọng!

Nơi nhận:

- Như trên
- Lưu VT, P.TCKT



**TỔNG GIÁM ĐỐC** *mh*

**Thang Thanh Hà**

# **Công ty Cổ phần Thủy điện Miền Nam**

Báo cáo tài chính giữa niên độ

Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020





**MỤC LỤC**

	<i>Trang</i>
Thông tin chung	1
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	2
Báo cáo soát xét báo cáo tài chính giữa niên độ	3 - 4
Bảng cân đối kế toán giữa niên độ	5 - 6
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ	7
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ	8 - 9
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ	10 - 27



# Công ty Cổ phần Thủy điện Miền Nam

## THÔNG TIN CHUNG

### CÔNG TY

Công ty Cổ phần Thủy điện Miền Nam ("Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh Nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 4103002486 do Sở Kế hoạch và Đầu tư ("SKHĐT") Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 13 tháng 7 năm 2004 và theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp điều chỉnh lần gần nhất số 0303416670 do SKHĐT Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 3 tháng 7 năm 2020.

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh với mã chứng khoán là SHP theo Quyết định số 266/QĐ-SGDHCM ngày 14 tháng 7 năm 2014 của Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh.

Hoạt động chính trong kỳ của Công ty là sản xuất, truyền tải và phân phối điện.

Công ty có trụ sở chính đăng ký tại Phòng 106, Lầu 1, Tòa nhà Citilight, Số 45, Đường Võ Thị Sáu, Phường Đa Kao, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

### HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên của Hội đồng Quản trị ("HĐQT") trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Huỳnh Minh Hải	Chủ tịch	Đại hội đồng Cổ đông bầu Thành viên HĐQT ngày 18 tháng 6 năm 2020 Hội đồng Quản trị bầu Chủ tịch HĐQT ngày 25 tháng 6 năm 2020
Ông Đoàn Đức Hưng	Chủ tịch	Đại hội đồng Cổ đông miễn nhiệm Thành viên HĐQT ngày 18 tháng 6 năm 2020
Ông Lê Tuấn Hải	Thành viên độc lập	
Ông Trần Thế Du	Thành viên độc lập	
Ông Nguyễn Văn Thịnh	Thành viên	
Ông Nguyễn Tấn Tài	Thành viên	Đại hội đồng Cổ đông bầu Thành viên HĐQT ngày 18 tháng 6 năm 2020
Ông Nguyễn Văn Danh	Thành viên	Đại hội đồng Cổ đông miễn nhiệm Thành viên HĐQT ngày 18 tháng 6 năm 2020

### BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Ban Kiểm soát trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Võ Thái	Trưởng ban
Bà Đỗ Thị Hải Âu	Thành viên
Bà Nguyễn Thị Thu Huệ	Thành viên

### BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Thang Thanh Hà	Tổng Giám đốc	
Ông Nguyễn Vĩnh Châu	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Huỳnh Minh Hải	Phó Tổng Giám đốc	HĐQT miễn nhiệm Phó Tổng Giám đốc ngày 25 tháng 6 năm 2020

### NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty từ ngày 21 tháng 5 năm 2018 đến ngày 2 tháng 7 năm 2020 là Ông Đoàn Đức Hưng và từ ngày 3 tháng 7 năm 2020 đến ngày của báo cáo này là Ông Huỳnh Minh Hải.

Ông Thang Thanh Hà được Ông Huỳnh Minh Hải ủy quyền để ký báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020 theo Giấy Ủy quyền số 44/UQ-SHP-HĐQT ngày 11 tháng 8 năm 2020.

### KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam là công ty kiểm toán cho Công ty.

# Công ty Cổ phần Thủy điện Miền Nam

## BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Thủy điện Miền Nam ("Công ty") hân hạnh trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020.

### TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính giữa niên độ cho từng kỳ kế toán phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính giữa niên độ, kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ của Công ty trong kỳ. Trong quá trình lập báo cáo tài chính giữa niên độ này, Ban Tổng Giám đốc cần phải:

- ▶ lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- ▶ thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- ▶ nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính giữa niên độ; và
- ▶ lập báo cáo tài chính giữa niên độ trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính giữa niên độ của Công ty, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với chế độ kế toán đã được áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Công ty và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo.

### CÔNG BỐ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc, báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính giữa niên độ của Công ty vào ngày 30 tháng 6 năm 2020, kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc: 



Thang Thanh Hà  
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 13 tháng 8 năm 2020





Building a better  
working world

Ernst & Young Vietnam Limited  
20th Floor, Bitexco Financial Tower  
2 Hai Trieu Street, District 1  
Ho Chi Minh City, S.R. of Vietnam

Tel: +84 28 3824 5252  
Fax: +84 28 3824 5250  
ey.com

Số tham chiếu: 61607369/22098533-LR

## BÁO CÁO SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

**Kính gửi: Quý Cổ đông của Công ty Cổ phần Thủy điện Miền Nam**

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Thủy điện Miền Nam ("Công ty") được lập ngày 13 tháng 8 năm 2020 và được trình bày từ trang 5 đến trang 27, bao gồm bảng cân đối kế toán giữa niên độ vào ngày 30 tháng 6 năm 2020, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ và báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày và các thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ đi kèm.

### ***Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc***

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính giữa niên độ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### ***Trách nhiệm của Kiểm toán viên***

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.





Building a better  
working world

### ***Kết luận của Kiểm toán viên***

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính giữa niên độ của Công ty vào ngày 30 tháng 6 năm 2020, kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

### ***Vấn đề khác***

Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019 đã được một doanh nghiệp kiểm toán khác soát xét và đưa ra kết luận chấp nhận toàn phần đối với báo cáo tài chính giữa niên độ đó vào ngày 12 tháng 8 năm 2019. Đồng thời, báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 cũng được doanh nghiệp kiểm toán này kiểm toán và đưa ra ý kiến chấp nhận toàn phần đối với báo cáo tài chính đó vào ngày 18 tháng 3 năm 2020.

### **Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam**



Hàng Nhật Quang  
Phó Tổng Giám đốc  
Giấy CNĐKHN kiểm toán  
Số: 1772-2018-004-1

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 13 tháng 8 năm 2020

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2020


VND


TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Ngày 30 tháng 6 năm 2020	Ngày 31 tháng 12 năm 2019
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>188.363.872.960</b>	<b>215.790.671.298</b>
<i>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</i>	<i>110</i>	<i>4</i>	<i>90.809.166.827</i>	<i>92.624.824.888</i>
1. Tiền	111		9.406.956.900	52.624.824.888
2. Các khoản tương đương tiền	112		81.402.209.927	40.000.000.000
<i>II. Các khoản phải thu ngắn hạn</i>	<i>130</i>		<i>82.185.980.171</i>	<i>107.467.821.708</i>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	25	79.776.888.786	105.958.258.071
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	5	2.033.573.493	893.384.624
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	6	682.880.092	923.541.213
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	6	(307.362.200)	(307.362.200)
<i>III. Hàng tồn kho</i>	<i>140</i>	<i>7</i>	<i>3.134.152.406</i>	<i>3.905.309.084</i>
1. Hàng tồn kho	141		3.134.152.406	3.905.309.084
<i>IV. Tài sản ngắn hạn khác</i>	<i>150</i>		<i>12.234.573.556</i>	<i>11.792.715.618</i>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	8	506.846.854	833.729.753
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		11.727.726.702	10.958.985.865
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>1.779.946.864.545</b>	<b>1.869.380.600.419</b>
<i>I. Phải thu dài hạn</i>	<i>210</i>		<i>634.695.000</i>	-
1. Phải thu dài hạn khác	216	6	634.695.000	-
<i>II. Tài sản cố định</i>	<i>220</i>		<i>1.775.979.290.094</i>	<i>1.865.585.259.537</i>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	9	1.773.123.810.194	1.862.697.105.251
Nguyên giá	222		3.106.816.780.999	3.106.165.920.361
Giá trị khấu hao lũy kế	223		(1.333.692.970.805)	(1.243.468.815.110)
2. Tài sản cố định vô hình	227	10	2.855.479.900	2.888.154.286
Nguyên giá	228		3.235.309.947	3.235.309.947
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(379.830.047)	(347.155.661)
<i>III. Tài sản dở dang dài hạn</i>	<i>240</i>		<i>950.181.818</i>	<i>1.144.753.416</i>
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	11	950.181.818	1.144.753.416
<i>IV. Tài sản dài hạn khác</i>	<i>260</i>		<i>2.382.697.633</i>	<i>2.650.587.466</i>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	8	2.382.697.633	2.650.587.466
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>1.968.310.737.505</b>	<b>2.085.171.271.717</b>

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2020

VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Ngày 30 tháng 6 năm 2020	Ngày 31 tháng 12 năm 2019
<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>910.526.522.173</b>	<b>831.819.037.399</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>416.401.522.173</b>	<b>264.616.037.399</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	12	2.295.160.173	2.172.879.490
2. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	13	11.447.977.707	17.913.947.075
3. Phải trả người lao động	314		-	4.833.886.060
4. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	14	4.420.006.510	4.535.143.083
5. Phải trả ngắn hạn khác	319	15	203.938.828.159	18.567.974.067
6. Vay ngắn hạn	320	17	186.156.000.000	212.156.000.000
7. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	16	8.143.549.624	4.436.207.624
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>494.125.000.000</b>	<b>567.203.000.000</b>
1. Vay dài hạn	338	17	494.125.000.000	567.203.000.000
<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>1.057.784.215.332</b>	<b>1.253.352.234.318</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>18.1</b>	<b>1.057.784.215.332</b>	<b>1.253.352.234.318</b>
1. Vốn cổ phần	411		937.102.000.000	937.102.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		937.102.000.000	937.102.000.000
2. Quỹ đầu tư phát triển	418		28.330.913.498	28.330.913.498
3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		92.351.301.834	287.919.320.820
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		91.998.920.820	71.491.521.925
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này	421b		352.381.014	216.427.798.895
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>1.968.310.737.505</b>	<b>2.085.171.271.717</b>

  
Nguyễn Thị Kiều Liên  
Người lập

  
Nguyễn Thành Tú Anh  
Kế toán trưởng



  
Thang Thanh Hà  
Tổng Giám đốc

Ngày 13 tháng 8 năm 2020



**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ**  
cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020

VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019
1. Doanh thu bán hàng	01	19.1	173.652.551.083	187.916.732.536
2. Doanh thu thuần về bán hàng	10	19.1	173.652.551.083	187.916.732.536
3. Giá vốn hàng bán	11	20, 23	(134.852.820.075)	(135.233.811.577)
4. Lợi nhuận gộp về bán hàng	20		38.799.731.008	52.682.920.959
5. Doanh thu hoạt động tài chính	21	19.2	2.047.995.437	2.219.159.485
6. Chi phí tài chính <i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	22 23	21	(31.023.363.045) (31.021.744.545)	(40.773.955.573) (40.773.955.573)
7. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	22, 23	(9.555.842.521)	(8.977.938.183)
8. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		268.520.879	5.150.186.688
9. Thu nhập khác	31		129.034.209	200.190.775
10. Chi phí khác	32		-	(300.000)
11. Lợi nhuận khác	40		129.034.209	199.890.775
12. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		397.555.088	5.350.077.463
13. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	24.1	(45.174.074)	(290.582.351)
14. Lợi nhuận sau thuế TNDN	60		352.381.014	5.059.495.112
15. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	18.5	4	52
16. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	18.5	4	52

Nguyễn Thị Kiều Liên  
Người lập

Nguyễn Thành Tú Anh  
Kế toán trưởng

Thăng Thanh Hà  
Tổng Giám đốc



Ngày 13 tháng 8 năm 2020

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ**  
cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020

VND

<i>CHỈ TIÊU</i>	<i>Mã số</i>	<i>Thuyết minh</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019</i>
<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>				
<b>Lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b>01</b>		<b>397.555.088</b>	<b>5.350.077.463</b>
<i>Điều chỉnh cho các khoản:</i>				
Khấu hao tài sản cố định hữu hình và hao mòn tài sản cố định vô hình	02	9, 10	90.256.830.081	93.045.180.812
Lãi từ hoạt động đầu tư	05		(2.047.995.437)	(2.219.159.485)
Chi phí lãi vay	06	21	31.021.744.545	40.773.955.573
<b>Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</b>	<b>08</b>		<b>119.628.134.277</b>	<b>136.950.054.363</b>
Giảm (tăng) các khoản phải thu	09		24.034.622.222	(6.047.086.265)
Giảm (tăng) hàng tồn kho	10		1.159.802.532	(286.687.517)
Giảm các khoản phải trả	11		(7.533.728.325)	(7.492.951.815)
(Tăng) giảm chi phí trả trước	12		(255.244.961)	2.406.722.063
Tiền lãi vay đã trả	14		(31.019.065.550)	(40.859.975.295)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	13	(4.358.125.033)	(3.232.894.175)
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	16	(4.792.658.000)	(3.890.146.970)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>		<b>96.863.737.162</b>	<b>77.547.034.389</b>
<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>				
Tiền chi để mua sắm tài sản cố định	21		(644.360.638)	(1.363.977.972)
Tiền thu từ lãi tiền gửi	27		1.891.778.915	2.219.159.485
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>		<b>1.247.418.277</b>	<b>855.181.513</b>

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020

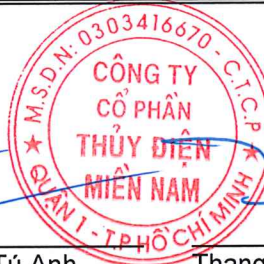
VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019
<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>				
Tiền chi trả nợ gốc vay	34	17	(99.078.000.000)	(97.078.000.000)
Cổ tức đã trả	36	18.4	(848.813.500)	(800.787.100)
<b>Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>		<b>(99.926.813.500)</b>	<b>(97.878.787.100)</b>
<b>Lưu chuyển tiền và tương đương tiền thuần trong kỳ</b>	<b>50</b>		<b>(1.815.658.061)</b>	<b>(19.476.571.198)</b>
<b>Tiền và tương đương tiền đầu kỳ</b>	<b>60</b>		<b>92.624.824.888</b>	<b>139.662.761.402</b>
<b>Tiền và tương đương tiền cuối kỳ</b>	<b>70</b>	<b>4</b>	<b>90.809.166.827</b>	<b>120.186.190.204</b>

  
Nguyễn Thị Kiều Liên  
Người lập

  
Nguyễn Thành Tú Anh  
Kế toán trưởng

  
Thang Thanh Hà  
Tổng Giám đốc



Ngày 13 tháng 8 năm 2020



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

vào ngày 30 tháng 6 năm 2020 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**1. THÔNG TIN DOANH NGHIỆP**

Công ty Cổ phần Thủy điện Miền Nam ("Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh Nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 4103002486 do Sở Kế hoạch và Đầu tư ("SKHĐT") Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 13 tháng 7 năm 2004 và theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp điều chỉnh lần gần nhất số 0303416670 do SKHĐT Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 3 tháng 7 năm 2020.

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh với mã chứng khoán là SHP theo Quyết định số 266/QĐ-SGDHCM ngày 14 tháng 7 năm 2014 của Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh.

Hoạt động chính trong kỳ của Công ty là sản xuất, truyền tải và phân phối điện.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty là 12 tháng.

Công ty có trụ sở chính tại phòng 106, Lầu 1, Tòa nhà Citilight, Số 45, Đường Võ Thị Sáu, Phường Đa Kao, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Số lượng nhân viên của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2020 là 117 (31 tháng 12 năm 2019 là: 119).

**2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY**

**2.1 Các Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng**

Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty được trình bày bằng đồng Việt Nam ("VND") phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam, Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 27 – Báo cáo tài chính giữa niên độ và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam khác do Bộ Tài chính ban hành theo:

- ▶ Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- ▶ Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- ▶ Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- ▶ Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- ▶ Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 5).

Theo đó, báo cáo tài chính giữa niên độ được trình bày kèm theo và việc sử dụng báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục và nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính giữa niên độ, kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ và lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

**2.2 Hình thức sổ kế toán áp dụng**

Hình thức sổ kế toán được áp dụng của Công ty là Nhật ký chung.

**2.3 Kỳ kế toán năm**

Kỳ kế toán năm của Công ty áp dụng cho việc lập báo cáo tài chính bắt đầu vào ngày 1 tháng 1 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

**2.4 Đơn vị tiền tệ kế toán**

Báo cáo tài chính giữa niên độ được lập bằng đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán của Công ty là VND.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2020 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

### 3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

#### 3.1 *Tiền và các khoản tương đương tiền*

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

#### 3.2 *Hàng tồn kho*

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá thành để đưa mỗi sản phẩm đến vị trí và điều kiện hiện tại và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong điều kiện kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí bán hàng ước tính.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho với giá trị được xác định như sau:

Nguyên liệu, vật liệu và công cụ dụng cụ - Giá vốn thực tế theo phương pháp bình quân gia quyền.

##### *Dự phòng giảm giá hàng tồn kho*

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, hư hỏng, kém phẩm chất, lỗi thời v.v.) có thể xảy ra đối với hàng tồn kho thuộc quyền sở hữu của Công ty dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ.

Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào tài khoản giá vốn hàng bán trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ.

#### 3.3 *Các khoản phải thu*

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính giữa niên độ theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác sau khi trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Công ty dự kiến không có khả năng thu hồi tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào tài khoản chi phí quản lý doanh nghiệp trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ.

#### 3.4 *Tài sản cố định hữu hình*

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị khấu hao lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào hoạt động như dự kiến.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định được ghi tăng nguyên giá của tài sản và chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ khi phát sinh.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2020 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**

**3.5 Tài sản cố định vô hình**

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sử dụng như dự kiến.

Các chi phí nâng cấp và đổi mới tài sản cố định vô hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và các chi phí khác được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ khi phát sinh.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ.

*Quyền sử dụng đất*

Nguyên giá quyền sử dụng đất bao gồm tất cả những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa đất vào trạng thái sẵn sàng để sử dụng và không được khấu trừ.

**3.6 Khấu hao và hao mòn**

Khấu hao tài sản cố định hữu hình và hao mòn tài sản cố định vô hình được trích theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

Nhà cửa và vật kiến trúc	4 - 50 năm
Máy móc và thiết bị	4 - 7 năm
Phương tiện vận tải	4 - 8 năm
Thiết bị văn phòng	3 - 5 năm
Phần mềm máy tính	3 năm

**3.7 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang bao gồm tài sản cố định đang xây dựng và được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm các chi phí về xây dựng nhà máy, lắp đặt máy móc thiết bị và các chi phí trực tiếp khác. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang chỉ được tính khấu hao khi các tài sản này hoàn thành và đưa vào hoạt động.

**3.8 Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Công ty và được hạch toán như chi phí phát sinh trong kỳ, ngoại trừ các khoản được vốn hóa như theo nội dung của đoạn tiếp theo.

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua sắm, xây dựng hoặc hình thành một tài sản cụ thể cần có một thời gian đủ dài để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc để bán được vốn hóa vào nguyên giá của tài sản đó.

**3.9 Chi phí trả trước**

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán giữa niên độ và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

**3.10 Các khoản phải trả và chi phí trích trước**

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.





THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2020 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

### 3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

#### 3.11 *Phân chia lợi nhuận*

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được chia cho các cổ đông sau khi được Đại hội đồng Cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ của Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Công ty trích lập các quỹ dự phòng sau từ lợi nhuận thuần sau thuế của Công ty theo đề nghị của Hội đồng Quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng cổ đông thường niên:

▶ *Quỹ đầu tư và phát triển*

Quỹ này được trích lập nhằm phục vụ việc mở rộng hoạt động hoặc đầu tư chiều sâu của Công ty.

▶ *Quỹ khen thưởng và phúc lợi*

Quỹ này được trích lập để khen thưởng, khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho công nhân viên, và được trình bày như một khoản phải trả trên bảng cân đối kế toán giữa niên độ.

#### 3.12 *Ghi nhận doanh thu*

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

*Doanh thu bán điện*

Doanh thu bán điện được ghi nhận hàng tháng ngay sau khi sản lượng điện sản xuất phát lên lưới điện quốc gia có xác nhận của Công ty Mua bán điện và Tổng Công ty Điện lực Miền Trung thuộc Tập đoàn Điện lực Việt Nam.

*Tiền lãi*

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

#### 3.13 *Thuế*

*Thuế thu nhập hiện hành*

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho kỳ hiện hành và các kỳ trước được xác định bằng số tiền dự kiến được thu hồi từ hoặc phải nộp cho cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải nộp khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2020 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**

**3.13 Thuế (tiếp theo)**

*Thuế thu nhập hoãn lại*

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích lập báo cáo tài chính giữa niên độ.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các kỳ sau của các khoản lỗ thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho kỳ kế toán khi tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế đối với cùng một đơn vị chịu thuế hoặc Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

**3.14 Các bên liên quan**

Các bên được coi là bên liên quan của Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan nêu trên có thể là các công ty hoặc các cá nhân bao gồm cả các thành viên mật thiết trong gia đình của họ.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2020 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2020	Ngày 31 tháng 12 năm 2019
Tiền mặt	167.945.910	106.301.567
Tiền gửi ngân hàng	9.239.010.990	52.518.523.321
Các khoản tương đương tiền (*)	81.402.209.927	40.000.000.000
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>90.809.166.827</b>	<b>92.624.824.888</b>

(\*) Các khoản tương đương tiền thể hiện các khoản tiền gửi có kỳ hạn gốc không quá ba (3) tháng tại ngân hàng thương mại và hưởng lãi suất 4,2%/năm.

**5. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN**

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2020	Ngày 31 tháng 12 năm 2019
Công ty TNHH Xây dựng Hồng Lĩnh	540.000.000	-
Công ty TNHH Thiết bị Kỹ thuật - Dịch vụ Hoàng Nguyên	252.450.000	-
Ban Đèn bù Giải phóng Mặt bằng Huyện Bảo Lâm	330.955.900	330.955.900
Chi nhánh Miền Nam - Công ty Tư vấn và Chuyển giao công nghệ - Đại học Thủy Lợi	231.960.724	231.960.724
Khác	678.206.869	330.468.000
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>2.033.573.493</b>	<b>893.384.624</b>

**6. PHẢI THU KHÁC**

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2020	Ngày 31 tháng 12 năm 2019
<b>Ngắn hạn</b>	<b>682.880.092</b>	<b>923.541.213</b>
Tạm ứng	209.000.000	93.232.986
Lãi tiền gửi	166.517.892	10.301.370
Đặt cọc tiền thuê văn phòng	-	444.394.875
Khác	307.362.200	375.611.982
<b>Dài hạn</b>	<b>634.695.000</b>	<b>-</b>
Đặt cọc tiền thuê văn phòng	634.695.000	-
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>1.317.575.092</b>	<b>923.541.213</b>
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	(307.362.200)	(307.362.200)
<b>GIÁ TRỊ THUẦN</b>	<b>1.010.212.892</b>	<b>616.179.013</b>



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2020 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**7. HÀNG TỒN KHO**

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2020	Ngày 31 tháng 12 năm 2019
Công cụ, dụng cụ	1.954.916.463	2.499.177.594
Nguyên liệu, vật liệu	1.179.235.943	1.406.131.490
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>3.134.152.406</u></b>	<b><u>3.905.309.084</u></b>

**8. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC**

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2020	Ngày 31 tháng 12 năm 2019
<b>Ngắn hạn</b>	<b>506.846.854</b>	<b>833.729.753</b>
Công cụ, dụng cụ	415.944.551	735.824.725
Chi phí bảo hiểm	71.320.973	89.571.699
Khác	19.581.330	8.333.329
<b>Dài hạn</b>	<b>2.382.697.633</b>	<b>2.650.587.466</b>
Chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định	1.786.210.085	1.973.736.577
Công cụ, dụng cụ	545.703.016	631.496.490
Khác	50.784.532	45.354.399
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>2.889.544.487</u></b>	<b><u>3.484.317.219</u></b>

## Công ty Cổ phần Thủy điện Miền Nam

B09a-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2020 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

### 9. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa và vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị văn phòng	VND Tổng cộng
<b>Nguyên giá:</b>					
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2019	2.397.831.233.964	702.486.808.389	4.919.405.058	928.472.950	3.106.165.920.361
Mua mới	-	340.860.638	310.000.000	-	650.860.638
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2020	2.397.831.233.964	702.827.669.027	5.229.405.058	928.472.950	3.106.816.780.999
<b>Trong đó:</b>					
Đã khấu hao hết	175.258.398	67.338.261.078	4.180.812.415	568.708.021	72.263.039.912
<b>Giá trị khấu hao lũy kế:</b>					
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2019	747.820.008.711	490.190.591.304	4.752.110.473	706.104.622	1.243.468.815.110
Khấu hao trong kỳ	54.746.478.063	35.384.074.875	56.307.093	37.295.664	90.224.155.695
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2020	802.566.486.774	525.574.666.179	4.808.417.566	743.400.286	1.333.692.970.805
<b>Giá trị còn lại:</b>					
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2019	1.650.011.225.253	212.296.217.085	167.294.585	222.368.328	1.862.697.105.251
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2020	1.595.264.747.190	177.253.002.848	420.987.492	185.072.664	1.773.123.810.194
<b>Trong đó:</b>					
Tài sản sử dụng để thế chấp (Thuyết minh số 17) (*)	1.587.953.648.047	174.208.541.457	-	-	1.762.162.189.504

(\*) Vào ngày 5 tháng 8 năm 2020, Công ty đã giải chấp tài sản cố định hữu hình đã thế chấp của Nhà máy Đa Dạng 2 liên quan đến khoản vay Ngân hàng TNHH MTV Shinhan Việt Nam - Hợp đồng Tín dụng Số SHBVN/BC/HDTD/SHP/201707. Giá trị còn lại của các tài sản cố định hữu hình này tại ngày 30 tháng 6 năm 2020 là 173.443.543.214 VND.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2020 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**10. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH**

	VND		
	<i>Quyền sử dụng đất</i>	<i>Phần mềm máy tính</i>	<i>Tổng cộng</i>
<b>Nguyên giá:</b>			
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 và ngày 30 tháng 6 năm 2020	2.719.863.637	515.446.310	3.235.309.947
<i>Trong đó:</i>			
<i>Đã hao mòn hết</i>	-	319.400.000	319.400.000
<b>Giá trị hao mòn lũy kế:</b>			
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2019	-	347.155.661	347.155.661
Hao mòn trong kỳ	-	32.674.386	32.674.386
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2020	-	379.830.047	379.830.047
<b>Giá trị còn lại:</b>			
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2019	2.719.863.637	168.290.649	2.888.154.286
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2020	2.719.863.637	135.616.263	2.855.479.900

**11. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG**

	VND	
	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2020</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2019</i>
Sửa chữa lớn	698.181.818	892.753.416
Dự án Nhà máy Điện Mặt Trời Đa Dạng 2	252.000.000	252.000.000
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>950.181.818</b>	<b>1.144.753.416</b>

**12. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN**

	VND	
	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2020</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2019</i>
Công ty TNHH Thương mại Đầu tư và Xây dựng Việt Oanh	392.777.026	36.899.097
Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ	358.757.050	612.661.850
Thiết bị Công nghiệp Sài Gòn	228.332.500	-
Viện Kỹ thuật và Công nghệ Môi trường	1.315.293.597	1.523.318.543
Khác	-	-
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>2.295.160.173</b>	<b>2.172.879.490</b>



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2020 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**13. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC**

			VND	
	Ngày 31 tháng 12 năm 2019	Tăng trong kỳ	Giảm trong kỳ	Ngày 30 tháng 6 năm 2020
Thuế giá trị gia tăng	3.600.833.816	16.858.754.895	(16.399.930.305)	4.059.658.406
Thuế tài nguyên	2.606.658.836	13.524.721.964	(12.503.077.830)	3.628.302.970
Thuế thu nhập cá nhân	891.925.943	595.160.753	(1.398.210.936)	88.875.760
Thuế thu nhập doanh nghiệp	4.358.125.033	45.174.074	(4.358.125.033)	45.174.074
Thuế, phí khác	6.456.403.447	7.817.105.732	(10.647.542.682)	3.625.966.497
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>17.913.947.075</u></b>	<b><u>38.840.917.418</u></b>	<b><u>(45.306.886.786)</u></b>	<b><u>11.447.977.707</u></b>

**14. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN**

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2020	Ngày 31 tháng 12 năm 2019
Chi phí dự án Nhà máy thủy điện Đamb'ri	2.358.000.000	2.358.000.000
Chi phí lãi vay trích trước	1.708.311.414	1.705.632.419
Chi phí khác	353.695.096	471.510.664
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>4.420.006.510</u></b>	<b><u>4.535.143.083</u></b>

**15. PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC**

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2020	Ngày 31 tháng 12 năm 2019
Cổ tức phải trả	203.298.758.100	16.727.171.600
Phải trả nhân viên Công ty	172.981.409	270.841.617
Khác	467.088.650	1.569.960.850
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>203.938.828.159</u></b>	<b><u>18.567.974.067</u></b>

**16. QUỸ KHEN THƯỞNG, PHÚC LỢI**

Biến động quỹ khen thưởng và phúc lợi trong kỳ như sau:

	VND	
	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019
Số đầu năm	4.436.207.624	1.943.495.492
Trích từ lợi nhuận sau thuế	8.500.000.000	9.900.000.000
Sử dụng quỹ trong kỳ	(4.792.658.000)	(3.890.146.970)
Số cuối năm	<b><u>8.143.549.624</u></b>	<b><u>7.953.348.522</u></b>

## Công ty Cổ phần Thủy điện Miền Nam

B09a-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2020 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

### 17. VAY

	Ngày 31 tháng 12 năm 2019	Trả tiền vay	Phân loại lại	Ngày 30 tháng 6 năm 2020
<b>Ngắn hạn</b>				
Vay ngân hàng dài hạn đến hạn trả	212.156.000.000	(99.078.000.000)	73.078.000.000	186.156.000.000
	212.156.000.000	(99.078.000.000)	73.078.000.000	186.156.000.000
<b>Dài hạn</b>				
Vay ngân hàng	567.203.000.000	-	(73.078.000.000)	494.125.000.000
	567.203.000.000	-	(73.078.000.000)	494.125.000.000
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>779.359.000.000</b>	<b>(99.078.000.000)</b>	<b>-</b>	<b>680.281.000.000</b>

Chi tiết các khoản vay ngân hàng dài hạn được trình bày như sau

Bên cho vay	Ngày 30 tháng 6 năm 2020 (VND)	Ngày đáo hạn	Lãi suất (%/năm)	Hình thức đảm bảo
Ngân hàng Thương mại cổ phần Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Hồ Chí Minh	390.000.000.000	Ngày 18 tháng 9 năm 2020 đến ngày 25 tháng 1 năm 2024	9,0	Một phần tài sản cố định hữu hình tại Nhà máy Thủy điện Đambri trị giá 1.470.316.073.592 VND (Thuyết minh số 9)
Ngân hàng Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Lâm Đồng	121.281.000.000	Ngày 18 tháng 7 năm 2020 đến ngày 17 tháng 4 năm 2021	6,9	
Ngân hàng TNHH MTV Shinhan Việt Nam	169.000.000.000	Ngày 26 tháng 7 năm 2020 đến ngày 25 tháng 7 năm 2025	7,5	Một phần tài sản cố định hữu hình tại Nhà máy Thủy điện Đasiat trị giá 118.402.572.698 VND (Thuyết minh số 9)
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>680.281.000.000</b>			

Trong đó:

Vay dài hạn đến hạn trả  
Vay dài hạn

186.156.000.000  
494.125.000.000

## Công ty Cổ phần Thủy điện Miền Nam

B09a-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2020 và cho kỳ kế toán sau tháng kết thúc cùng ngày

### 18. VỐN CHỦ SỞ HỮU

#### 18.1 Tình hình tăng giảm nguồn vốn chủ sở hữu

	Vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	VND
<b>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019</b>				
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2018	937.102.000.000	28.330.913.498	268.811.921.925	1.234.244.835.423
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	5.059.495.112	5.059.495.112
Cổ tức công bố	-	-	(187.420.400.000)	(187.420.400.000)
Trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	(9.400.000.000)	(9.400.000.000)
Thường Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát	-	-	(500.000.000)	(500.000.000)
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2019	937.102.000.000	28.330.913.498	76.551.017.037	1.041.983.930.535
<b>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020</b>				
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2019	937.102.000.000	28.330.913.498	287.919.320.820	1.253.352.234.318
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	352.381.014	352.381.014
Cổ tức công bố (*)	-	-	(187.420.400.000)	(187.420.400.000)
Trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi (*)	-	-	(8.000.000.000)	(8.000.000.000)
Thường Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát (*)	-	-	(500.000.000)	(500.000.000)
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2020	937.102.000.000	28.330.913.498	92.351.301.834	1.057.784.215.332

(\*) Theo Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông Thường niên số 27/NQ-SHP-ĐHĐCĐ ngày 18 tháng 6 năm 2020, Đại hội đồng Cổ đông của Công ty đã thông qua phương án phân phối lợi nhuận sau thuế như sau:

- Chia cổ tức cho các cổ đông hiện hữu của Công ty tại mức 20% mệnh giá của cổ phiếu phổ thông, tương đương với 187.420.400.000 VND.
- Trích lập Quỹ khen thưởng, phúc lợi và thưởng Hội đồng Quản trị và Ban kiểm soát với số tiền lần lượt là 8.000.000.000 VND và 500.000.000 VND.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2020 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**18. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)**

**18.2 Chi tiết vốn cổ phần**

	Ngày 30 tháng 6 năm 2020 và ngày 31 tháng 12 năm 2019	
	Giá trị VND	% sở hữu
Tổng Công ty Điện lực Miền Nam	457.843.580.000	48,86
Công ty Cổ phần Cơ Điện Lạnh	103.894.900.000	11,09
Cổ đông khác	375.363.520.000	40,05
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>937.102.000.000</b>	<b>100,00</b>

**18.3 Cổ phiếu**

	Ngày 30 tháng 6 năm 2020	Ngày 31 tháng 12 năm 2019
	Số lượng	Số lượng
Cổ phiếu đăng ký phát hành	93.710.200	93.710.200
Cổ phiếu đã bán ra công chúng <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	93.710.200 93.710.200	93.710.200 93.710.200
Cổ phiếu đang lưu hành <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	93.710.200 93.710.200	93.710.200 93.710.200

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành là 10.000 VND/cổ phiếu. Các cổ đông nắm giữ cổ phiếu phổ thông của Công ty được quyền hưởng cổ tức do Công ty công bố. Mỗi cổ phiếu phổ thông thể hiện một quyền biểu quyết, không hạn chế.

**18.4 Cổ tức**

	VND	
	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019
Cổ tức đã trả trong kỳ	848.813.500	800.787.100

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2020 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**18. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)**

**18.5 Lãi trên cổ phiếu**

Công ty sử dụng các thông tin sau để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu:

	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019 (Trình bày lại)
Lợi nhuận thuần sau thuế TNDN (VND)	352.381.014	5.059.495.112
Trừ: Quỹ khen thưởng phúc lợi (VND) (*)	<u>(15.152.384)</u>	<u>(197.320.309)</u>
<b>Lợi nhuận thuần sau thuế TNDN phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông (VND)</b>	<b>337.228.630</b>	<b>4.862.174.803</b>
Bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành (cổ phiếu)	<u>93.710.200</u>	<u>93.710.200</u>
<b>Lãi trên cổ phiếu (VND)</b>		
<i>Lãi cơ bản trên cổ phiếu</i>	4	52
<i>Lãi suy giảm trên cổ phiếu</i>	4	52

(\*) Lợi nhuận dùng để tính lãi trên cổ phiếu cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019 đã được điều chỉnh lại so với số liệu đã trình bày trước đây để phản ánh khoản trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi từ lợi nhuận để lại của năm 2019 theo Nghị Quyết Đại Hội đồng Cổ đông Thường niên Số 27/NQ-SHP-ĐHĐCĐ ngày 18 tháng 6 năm 2020.

Lợi nhuận dùng để tính lãi trên cổ phiếu cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020 được điều chỉnh giảm cho khoản trích Quỹ khen thưởng phúc lợi dự kiến được trích lập với tỷ lệ 4,3% lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm 2020 theo Nghị Quyết Đại Hội đồng Cổ đông Thường niên Số 27/NQ-SHP-ĐHĐCĐ ngày 18 tháng 6 năm 2020.

Không có các giao dịch cổ phiếu phổ thông hoặc giao dịch cổ phiếu phổ thông tiềm năng nào xảy ra từ ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ đến ngày hoàn thành báo cáo tài chính giữa niên độ này.

**19. DOANH THU**

**19.1 Doanh thu thuần về bán hàng**

	VND	
	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019
Doanh thu bán điện cho các bên liên quan (Thuyết minh số 25)	<u>173.652.551.083</u>	<u>187.916.732.536</u>

**19.2 Doanh thu hoạt động tài chính**

	VND	
	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019
Lãi tiền gửi ngân hàng	<u>2.047.995.437</u>	<u>2.219.159.485</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2020 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**20. GIÁ VỐN HÀNG BÁN**

	VND	
	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019</i>
Giá vốn sản xuất điện	<u>134.852.820.075</u>	<u>135.233.811.577</u>

**21. CHI PHÍ TÀI CHÍNH**

	VND	
	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019</i>
Chi phí lãi vay	31.021.744.545	40.773.955.573
Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái	1.618.500	-
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>31.023.363.045</u></b>	<b><u>40.773.955.573</u></b>

**22. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP**

	VND	
	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019</i>
Chi phí nhân viên	5.485.634.003	5.396.016.709
Chi phí thuê văn phòng	1.113.539.100	1.066.364.100
Chi phí khấu hao và hao mòn	238.203.333	247.664.338
Chi phí khác	2.718.466.085	2.267.893.036
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>9.555.842.521</u></b>	<b><u>8.977.938.183</u></b>

**23. CHI PHÍ SẢN XUẤT, KINH DOANH THEO YẾU TỐ**

	VND	
	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019</i>
Chi phí khấu hao và hao mòn	90.256.830.081	93.045.180.812
Chi phí nhân viên	16.600.887.733	17.924.816.209
Thuế tài nguyên	13.524.721.964	13.781.910.501
Phí dịch vụ môi trường rừng	5.222.908.656	5.475.745.548
Chi phí nguyên vật liệu	3.166.560.258	1.012.067.944
Chi phí khác	15.636.753.904	12.972.028.746
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>144.408.662.596</u></b>	<b><u>144.211.749.760</u></b>



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2020 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**24. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP**

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp hàng năm theo tỷ lệ 20% tính trên thu nhập tính thuế. Ngoài ra, ba nhà máy thủy điện của Công ty được đầu tư tại địa bàn có điều kiện kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn nên được hưởng ưu đãi thuế theo quy định hiện hành như sau:

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp áp dụng là 10% trong 15 năm kể từ khi dự án đi vào hoạt động, được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong 4 năm kể từ năm có thu nhập từ dự án và giảm 50% thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của dự án trong 9 năm tiếp theo. Nhà máy thủy điện Đa Dâng 2 và Đasiat bắt đầu hoạt động từ năm 2010 và nhà máy thủy điện Đambri bắt đầu hoạt động từ năm 2014.

Báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với các loại nghiệp vụ khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính giữa niên độ có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

**24.1 Chi phí thuế TNDN**

	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019</i>
		VND
Chi phí thuế TNDN hiện hành	<u>45.174.074</u>	<u>290.582.351</u>

Dưới đây là đối chiếu giữa thu nhập chịu thuế TNDN và tổng lợi nhuận kế toán trước thuế nhân với thuế suất thuế TNDN:

	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019</i>
		VND
<b>Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<u><b>397.555.088</b></u>	<u><b>5.350.077.463</b></u>
Thuế TNDN theo thuế suất 20%	79.511.018	1.070.015.493
<i>Điều chỉnh:</i>		
Chi phí không được trừ	98.617.114	41.562.347
Thuế TNDN được giảm	<u>(132.954.058)</u>	<u>(820.995.489)</u>
<b>Chi phí thuế TNDN</b>	<u><b>45.174.074</b></u>	<u><b>290.582.351</b></u>

**24.2 Thuế TNDN hiện hành**

Thuế TNDN hiện hành phải trả được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của kỳ hiện tại. Thu nhập chịu thuế của Công ty khác với thu nhập được báo cáo trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được trừ cho mục đích tính thuế trong các kỳ khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được trừ cho mục đích tính thuế. Thuế TNDN hiện hành phải trả của Công ty được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2020 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**25. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN**

*Các điều kiện và điều khoản của các giao dịch với các bên liên quan:*

Nghiệp vụ với các công ty có liên quan bao gồm tất cả các nghiệp vụ được thực hiện với các công ty mà Công ty có mối liên kết thông qua quan hệ đầu tư hoặc nhận đầu tư hoặc thông qua một nhà đầu tư chung và do đó sẽ là thành viên của cùng một công ty. Các nghiệp vụ bán hàng và mua hàng với các bên liên quan được thực hiện theo mức giá và các điều khoản niêm yết thông thường trên thị trường. Số dư các khoản phải thu, phải trả tại ngày kết thúc kỳ kế toán không cần bảo đảm, không có lãi suất và sẽ được thanh toán bằng tiền.

Giao dịch trọng yếu của Công ty với các công ty liên quan trong kỳ này và kỳ trước bao gồm:

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	VND	
			Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019
Công ty Mua bán điện – Tập đoàn Điện lực Việt Nam	Cùng tập đoàn với Cổ đông lớn (Tổng Công ty Điện lực Miền Nam)	Bán điện	143.315.389.361	155.650.478.330
Tổng Công ty Điện lực Miền Trung	Cùng tập đoàn với Cổ đông lớn (Tổng Công ty Điện lực Miền Nam)	Bán điện	30.337.161.722	32.266.254.206

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ, các khoản phải thu với các bên liên quan như sau:

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	VND	
			Ngày 30 tháng 6 năm 2020	Ngày 31 tháng 12 năm 2019
<b>Phải thu ngắn hạn của khách hàng</b>				
Công ty Mua bán điện – Tập đoàn Điện lực Việt Nam	Cùng tập đoàn với Cổ đông lớn (Tổng Công ty Điện lực Miền Nam)	Bán điện	66.622.229.836	97.566.568.841
Tổng Công ty Điện lực Miền Trung	Cùng tập đoàn với Cổ đông lớn (Tổng Công ty Điện lực Miền Nam)	Bán điện	13.154.658.950	8.391.689.230
			<b>79.776.888.786</b>	<b>105.958.258.071</b>

Thu nhập của các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc trong kỳ này và kỳ trước như sau:

Lương và các lợi ích khác	VND	
	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019
	1.998.594.752	1.618.403.115



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2020 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**26. CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG**

Công ty hiện đang thuê đất và văn phòng theo các hợp đồng thuê hoạt động. Vào ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ, các khoản tiền thuê phải trả trong tương lai theo các hợp đồng thuê hoạt động được trình bày như sau:

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Đến 1 năm	2.538.780.000	1.075.250.468
Trên 1 đến 5 năm	2.432.997.500	-
Trên 5 năm	9.029.026.746	8.851.304.293
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>14.000.804.246</u></b>	<b><u>9.926.554.761</u></b>

**27. THÔNG TIN THEO BỘ PHẬN**

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận được chia theo hoạt động kinh doanh) hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận được chia theo khu vực địa lý). Mỗi một bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt so với các bộ phận khác.

Hoạt động chính trong kỳ của Công ty là sản xuất điện và đầu tư xây dựng các dự án điện. Đồng thời, hoạt động kinh doanh của Công ty chủ yếu được thực hiện trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng, Việt Nam. Vì vậy, rủi ro và tỷ suất sinh lời của Công ty không bị tác động chủ yếu bởi những khác biệt về sản phẩm mà Công ty bán ra hoặc do Công ty hoạt động tại nhiều khu vực địa lý khác nhau. Do đó, Ban Tổng Giám đốc nhận định là Công ty chỉ có một bộ phận theo hoạt động kinh doanh và khu vực địa lý. Theo đó, thông tin theo bộ phận không được trình bày.

**28. SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ**

Vào ngày 10 tháng 8 năm 2020, Công ty quyết định ngừng vận hành Nhà máy Thủy điện Đamb'ri từ ngày 10 tháng 8 năm 2020 đến ngày 31 tháng 8 năm 2020 để sửa chữa, khắc phục nhằm đảm bảo an toàn vận hành.

Ngoài sự kiện nêu trên, không có sự kiện nào khác phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ yêu cầu phải được điều chỉnh hay trình bày trong báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty.



Nguyễn Thị Kiều Liên  
Người lập



Nguyễn Thành Tú Anh  
Kế toán trưởng




Trương Thanh Hà  
Tổng Giám đốc

Ngày 13 tháng 8 năm 2020